

Số: 183/2017/CV - SAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi :
- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SACOM

Mã chứng khoán: SAM

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai

Điện thoại: 08 - 35122919 Fax: 08 - 35128632

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Hà Hoàng Thế Quang

Địa chỉ: 152/11B Điện Biên Phủ, P.25, Q. Bình Thạnh, TPHCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 08 - 35122919

Fax: 08 - 35128632

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ đã soát xét.

Thông tin này đồng thời được đăng tải trên website công ty vào ngày 14/8/2017:

<http://samholdings.com.vn/documents/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu Ban TCKT.

Đại diện tổ chức

Người ủy quyền công bố thông tin



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Hoàng Thế Quang

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 41

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3600253537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 3 năm 1998, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 02/GPPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 2 tháng 6 năm 2000.

Hoạt động kinh doanh đăng ký trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông, vật liệu dân dụng; bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp); xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại; cho thuê văn phòng; đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh sân golf; dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và văn phòng đại diện tại số 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch	
Ông Hoàng Trí Cường	Phó Chủ tịch	
Ông Đào Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2017
Ông Đỗ Văn Trắc	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	
Ông Trần Hải Quang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2017
Ông Đỗ Thanh Bình	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng Ban	
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên	
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017
Bà Đinh Thị Hoài Bắc	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Vương	Tổng Giám đốc	
Ông Hà Hoàng Thế Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 2 năm 2017
Ông Đỗ Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Anh Vương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

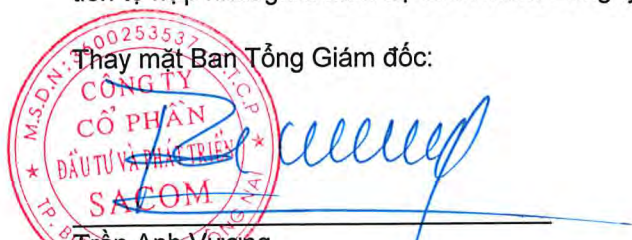
CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Anh Vương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61354714/19491853/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 14 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 7 tháng 3 năm 2017. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 8 tháng 8 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		784.908.251.498	316.255.092.413
110	I. Tiền	4	9.470.309.699	50.026.840.528
111	1. Tiền		9.470.309.699	50.026.840.528
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	524.481.190.910	210.525.817.397
121	1. Chứng khoán kinh doanh		540.617.129.973	217.650.160.250
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(16.135.939.063)	(7.124.342.853)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		245.922.168.675	50.648.273.556
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	5.336.714.408	141.159.300
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.305.628.000	503.478.251
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	11.900.000.000	11.800.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	227.379.826.267	38.203.636.005
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.034.582.214	5.054.160.932
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	300.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.491.875.756	3.211.454.474
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.542.706.458	1.542.706.458

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.675.941.527.013	2.864.929.260.083
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		202.077.377.323	202.077.377.323
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	82.077.377.323	82.077.377.323
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	120.000.000.000	120.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		13.964.194.539	14.689.725.663
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	11.584.844.539	12.310.375.663
222	Nguyên giá		32.301.084.174	32.301.084.174
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(20.716.239.635)	(19.990.708.511)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.379.350.000	2.379.350.000
228	Nguyên giá		2.379.350.000	2.379.350.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	11	11.211.821.819	11.211.821.819
231	1. Nguyên giá		11.211.821.819	11.211.821.819
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		7.280.472.663	6.235.072.663
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	7.280.472.663	6.235.072.663
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	2.440.166.406.766	2.629.313.262.366
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.914.800.000.000	1.914.800.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		613.242.808.060	778.106.010.060
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.000.000.000	16.500.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(105.876.401.294)	(80.092.747.694)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.241.253.903	1.402.000.249
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.241.253.903	1.402.000.249
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.460.849.778.511	3.181.184.352.496

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.016.011.284.016	739.052.190.812
310	I. Nợ ngắn hạn		298.090.480.166	738.212.438.462
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	11.381.203.463	1.437.437.040
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	81.000.000.000	20.606.495.400
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	129.717.108	273.128.080
314	4. Phải trả người lao động		603.966.460	2.413.883.952
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	34.999.998	1.163.636.364
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	29.485.227.779	24.184.380.133
320	7. Vay ngắn hạn	19	174.709.505.236	688.116.157.371
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		745.860.122	17.320.122
330	II. Nợ dài hạn		717.920.803.850	839.752.350
337	1. Phải trả dài hạn khác		720.803.850	839.752.350
338	2. Vay dài hạn	19	717.200.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.444.838.494.495	2.442.132.161.684
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	2.444.838.494.495	2.442.132.161.684
411	1. Vốn cổ phần		1.802.353.360.000	1.802.353.360.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.802.353.360.000	1.802.353.360.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		406.943.449.943	406.943.449.943
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		150.829.313.956	150.829.313.956
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		84.712.370.596	82.006.037.785
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		81.259.597.785	49.878.087.853
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.452.772.811	32.127.949.932
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.460.849.778.511	3.181.184.352.496

Nguyễn Thanh Xuân
Người lập

Hà Hoàng Thế Quang
Kế toán trưởng

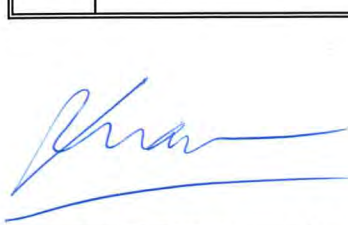
Trần Anh Vương
Tổng Giám đốc

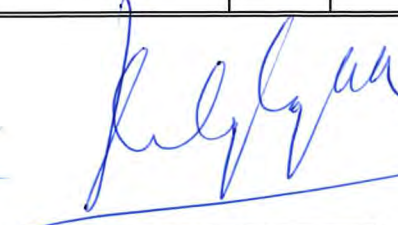
Ngày 14 tháng 8 năm 2017

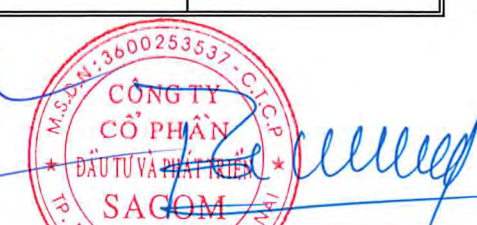
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	14.128.140.689	1.065.133.679
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(10.737.903.489)	(128.710.772)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.390.237.200	936.422.907
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	85.721.586.323	38.493.314.697
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(72.263.152.417) (36.365.583.206)	(9.591.867.409) (13.658.364.610)
25	6. Chi phí bán hàng	24	-	(188.848.441)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(13.395.898.295)	(6.453.259.654)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.452.772.811	23.195.762.100
31	9. Thu nhập khác		-	527.048.204
32	10. Chi phí khác		-	(386.841.040)
40	11. Lợi nhuận khác		-	140.207.164
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.452.772.811	23.335.969.264
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.452.772.811	23.335.969.264


Nguyễn Thanh Xuân
Người lập


Hà Hoàng Thế Quang
Kế toán trưởng


Trần Anh Vương
Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

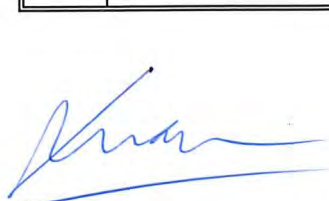
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.452.772.811	23.335.969.264
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	725.531.124	712.102.128
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		34.795.249.810	(17.334.173.100)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(76.864.453.886)	(28.862.679.197)
06	Chi phí lãi vay	23	36.365.583.206	13.658.364.610
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.525.316.935)	(8.490.416.295)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(15.195.454.039)	16.281.203.835
11	Giảm các khoản phải trả		(14.052.324.458)	(11.937.941.943)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		834.346.346	(284.677.577)
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(407.466.969.723)	5.255.668.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(35.867.869.254)	(2.201.380.411)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.900.000)	(187.100.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(473.291.488.063)	(1.564.644.391)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(836.000.000)
23	Tiền chi cho vay		(300.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		200.000.000	1.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(122.500.000.000)	(500.675.972.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		170.416.342.629	171.722.320.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia		24.459.298.760	409.706.758
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		72.275.641.389	(327.879.945.242)

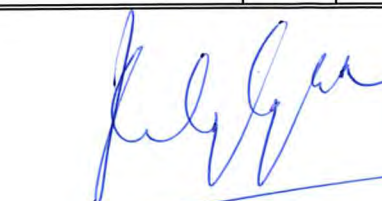
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	836.700.000.000	502.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(476.232.500.000)	(96.800.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	20.2	(8.184.155)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		360.459.315.845	405.200.000.000
50	(Giảm) tăng tiền thuần trong kỳ		(40.556.530.829)	75.755.410.367
60	Tiền đầu kỳ		50.026.840.528	1.394.769.239
70	Tiền cuối kỳ	4	9.470.309.699	77.150.179.606



Nguyễn Thanh Xuân
Người lập



Hà Hoàng Thế Quang
Kế toán trưởng




Trần Anh Vương
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3600253537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 3 năm 1998, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 02/GPPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 2 tháng 6 năm 2000.

Hoạt động kinh doanh đăng ký trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông, vật liệu dân dụng; bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp); xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại; cho thuê văn phòng; đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh sân golf; dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và văn phòng đại diện tại số 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 24 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 17).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Công ty không khấu trừ quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng lâu dài.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoạt động trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi ngân hàng	9.470.309.699	50.026.840.528
TỔNG CỘNG	9.470.309.699	50.026.840.528

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016			VND
	Mã cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Chứng khoán kinh doanh:							
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	DVN	283.624.800.000	275.199.600.000	(8.425.200.000)	-	-	-
- Tổng Công ty Cổ phần Viglacera	VGC	195.849.600.000	195.849.600.000	-	200.100.000.000	200.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	TTF	47.581.263.197	47.581.263.197	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Alphanam	ALP	7.243.518.147	1.772.604.084	(5.470.914.063)	7.243.518.147	1.772.604.084	(5.470.914.063)
- Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	PVD	4.555.545.000	2.315.720.000	(2.239.825.000)	4.555.545.000	3.461.040.000	(1.094.505.000)
- Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	VAF	1.762.360.000	1.762.360.000	-	1.762.360.000	1.762.360.000	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	SHI	43.629	43.629	-	1.963.932.000	1.879.376.250	(84.555.750)
- Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	BHS	-	-	-	1.894.368.040	1.420.000.000	(474.368.040)
- Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	-	-	-	130.437.063	130.437.063	-
TỔNG CỘNG		540.617.129.973	524.481.190.910	(16.135.939.063)	217.650.160.250	210.525.817.397	(7.124.342.853)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN (tiếp theo)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư:	Mã cổ phiếu	Số đầu kỳ	Mua trong kỳ	Bán trong kỳ	Số cuối kỳ
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	DVN	-	11.800.000	-	11.800.000
- Vẽ số lượng		-	283.624.800.000	-	283.624.800.000
- Vẽ giá trị					
Tổng Công ty Cổ phần Viglacera	VGC	14.500.000	-	(308.000)	14.192.000
- Vẽ số lượng		200.100.000.000	-	(4.250.400.000)	195.849.600.000
- Vẽ giá trị					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	TTF	-	6.806.590	-	6.806.590
- Vẽ số lượng		-	47.581.263.197	-	47.581.263.197
- Vẽ giá trị					
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	SHI	225.075	-	(225.070)	5
- Vẽ số lượng		1.963.932.000	-	(1.963.888.371)	43.629
- Vẽ giá trị					
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	BHS	100.000	-	(100.000)	-
- Vẽ số lượng		1.894.368.040	-	(1.894.368.040)	-
- Vẽ giá trị					
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	7.500	-	(7.500)	-
- Vẽ số lượng		130.437.063	-	(130.437.063)	-
- Vẽ giá trị					
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	DXG	-	2.500.000	(2.500.000)	-
- Vẽ số lượng		-	45.067.500.000	(45.067.500.000)	-
- Vẽ giá trị					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	5.192.932.128	141.159.300
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Saicom	5.138.049.280	-
- Phải thu khách hàng khác	54.882.848	141.159.300
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	143.782.280	-
TỔNG CỘNG	5.336.714.408	141.159.300

Dài hạn

Khoản mục này thể hiện khoản phải thu với bên liên quan, Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom, liên quan đến Dự án Giai Việt mà Công ty đã bán và ghi nhận doanh thu năm 2015.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	(i) 11.600.000.000	11.800.000.000
Cho vay bên khác	(ii) 300.000.000	-
TỔNG CỘNG	11.900.000.000	11.800.000.000

(i) Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Lãi cho vay	Hình thức đảm bảo
	VND	(%/năm)	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt			
Hợp đồng số 335/2016/SAM-ANVIET/HĐVV	6.500.000.000	9,5%	Tín chấp
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng			
Hợp đồng số 84/2013/SAM-SCS/HĐVV	4.000.000.000	9,2%	Tín chấp
Hợp đồng số 05/2013/SAM-SCS/HĐVV	1.100.000.000	9,2%	Tín chấp
	5.100.000.000		
TỔNG CỘNG	11.600.000.000		

(ii) Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ bên khác như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Lãi cho vay	Hình thức đảm bảo
	VND	(%/năm)	
Trung tâm Hỗ trợ Thanh niên Khởi nghiệp			
Hợp đồng số 03/2017/SAM-SYS/HĐVV	300.000.000	9,5%	Tín chấp
Đây là các khoản cho vay ngắn hạn có kỳ hạn trả gốc từ 3 đến 12 tháng.			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần	196.500.000.000	-
Cổ tức phải thu	22.496.501.061	35.268.994.764
Phải thu từ chứng khoán kinh doanh	3.775.040.000	-
Khác	4.608.285.206	2.934.641.241
	<u>227.379.826.267</u>	<u>38.203.636.005</u>
Dài hạn		
Vốn góp hợp đồng hợp tác đầu tư ("HĐHTĐT") (i)	<u>120.000.000.000</u>	<u>120.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>347.379.826.267</u>	<u>158.203.636.005</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 26)</i>	143.281.834.404	155.437.121.538
<i>Phải thu các bên khác</i>	204.097.991.863	2.766.514.467

(i) Chi tiết khoản vốn góp HĐHTĐT như sau:

- Khoản vốn góp HĐHTĐT trị giá 70.000.000.000 VND với Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai ("Nhựa Đồng Nai") trong năm 2016 liên quan đến việc mua cổ phiếu của Công ty TNHH Nhà nước MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế ("Huewaco") để Nhựa Đồng Nai trở thành cổ đông chiến lược của Huewaco. Hàng năm Công ty sẽ nhận được cổ tức hoặc lỗ tương ứng với tỷ lệ giá trị đầu tư.
- Khoản vốn góp trị giá 50.000.000.000 VND tương ứng 20% tỷ lệ góp vốn trong HĐHTĐT với Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom trong năm 2013 để phát triển dự án Khu dân cư Nhơn Trạch trên quy mô diện tích 55,2 hecta tại Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Theo đó, Công ty sẽ được chia lợi nhuận sau thuế từ dự án theo tỷ lệ góp vốn trên.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quân lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	27.192.968.976	1.084.290.000	2.654.682.718	1.369.142.480	32.301.084.174
Trong đó:					
Đã khấu hao lũy kế:	11.906.769.352	-	2.654.682.718	1.369.142.480	15.930.594.550
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 Khấu hao trong kỳ	(15.800.130.652) (632.935.464)	(166.752.661) (92.595.660)	(2.654.682.718) -	(1.369.142.480) -	(19.990.708.511) (725.531.124)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(16.433.066.116)	(259.348.321)	(2.654.682.718)	(1.369.142.480)	(20.716.239.635)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	11.392.838.324	917.537.339	-	-	12.310.375.663
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	10.759.902.860	824.941.679	-	-	11.584.844.539

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng 480 m² đất tại số 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty là lô đất 65.492 m² tại Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, dựa trên giá thị trường của tài sản, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dự án Khu dân cư Bình Thắng (*)	5.295.000.000	3.876.000.000
Dự án Nông nghiệp Đắc Nông	561.242.663	561.242.663
Dự án khác	1.424.230.000	1.797.830.000
TỔNG CỘNG	7.280.472.663	6.235.072.663

(*) Dự án Khu dân cư Bình Thắng đang làm thủ tục pháp lý để chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom – Công ty con – theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tổng giá trị 70.000.000.000 VND.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	1.914.800.000.000	1.914.800.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	613.242.808.060	778.106.010.060
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.3)	18.000.000.000	16.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(105.876.401.294)	(80.092.747.694)
TỔNG CỘNG	2.440.166.406.766	2.629.313.262.366

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Kinh doanh khu du lịch, sân golf	99,75%	897.300.000.000	99,75%	897.300.000.000
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Sản xuất dây cáp	99,90%	499.500.000.000	99,90%	499.500.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom (i)	Kinh doanh bất động sản	99,44%	400.000.000.000	99,44%	400.000.000.000
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng	73,75%	118.000.000.000	73,75%	118.000.000.000
TỔNG CỘNG			1.914.800.000.000		1.914.800.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(101.060.596.229)		(73.958.744.168)
GIÁ TRỊ THUẦN			1.813.739.403.771		1.840.841.255.832

(i) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn của Công ty (thuyết minh số 19.3).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (i)	Kinh doanh dịch vụ du lịch	29,06%	425.384.970.000	28,98%	423.975.972.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Phát triển hạ tầng	45,00%	155.500.000.000	45,00%	155.500.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường	Sản xuất thiết bị, vật liệu điện, viễn thông	33,74%	17.409.996.000	32,54%	16.497.196.000
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh nông sản	48,00%	9.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú (ii)	Sản xuất nhựa	25,10%	5.947.842.060	25,10%	5.947.842.060
Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú	Kinh doanh bất động sản	-	-	40,00%	176.185.000.000
TỔNG CỘNG			613.242.808.060		778.106.010.060
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(4.815.805.065)		(6.134.003.526)
GIÁ TRỊ THUẦN			608.427.002.995		771.972.006.534

(i) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn của Công ty và khoản vay của Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom – công ty con của Công ty (thuyết minh số 19.3).

(ii) Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú hiện tại đã ngưng hoạt động và chờ thủ tục giải thể theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam (trước là Công ty Cổ phần Momota)	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu Điện	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Capella Việt Nam	1.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	18.000.000.000	16.500.000.000

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả cho các bên khác	720.000.000	1.365.937.040
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh	400.000.000	400.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Quản lý Dự án Hồng Ngọc	250.000.000	543.600.000
- Công ty Cổ phần TV HUB	-	405.329.100
- Phải trả đối tượng khác	70.000.000	17.007.940
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	10.661.203.463	71.500.000
TỔNG CỘNG	11.381.203.463	1.437.437.040

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 26)	81.000.000.000	20.500.000.000
Người mua trả tiền trước	-	106.495.400
TỔNG CỘNG	81.000.000.000	20.606.495.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu				
Thuế TNDN	1.542.706.458	-	-	1.542.706.458
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	273.128.080	1.701.201.141	(1.844.612.113)	129.717.108

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phí dịch vụ	-	1.100.000.000
Khác	34.999.998	63.636.364
TỔNG CỘNG	34.999.998	1.163.636.364

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí lãi vay	22.784.312.008	22.286.598.056
Ký quỹ để chuyển nhượng khoản đầu tư Cổ tức	5.000.000.000 1.373.514.169	- 1.381.698.324
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	60.000.000	60.000.000
Khác	267.401.602	456.083.753
TỔNG CỘNG	29.485.227.779	24.184.380.133
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	18.408.727.611	1.897.782.077
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	11.076.500.168	22.286.598.056

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ngắn hạn	688.116.157.371	119.500.000.000	632.906.652.135	174.709.505.236
Vay từ các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1 và 26)	681.116.157.371	119.500.000.000	632.906.652.135	167.709.505.236
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	18.532.500.000	119.500.000.000	45.532.500.000	92.500.000.000
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	170.000.000.000	-	94.790.494.764	75.209.505.236
- Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	430.700.000.000	-	430.700.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú	61.883.657.371	-	61.883.657.371	-
Vay từ cá nhân (Thuyết minh số 19.2)	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
Dài hạn	-	717.200.000.000	-	717.200.000.000
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.3)	-	467.921.000.000	-	467.921.000.000
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 19.4 và 26)	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	-	249.279.000.000	-	249.279.000.000
TỔNG CỘNG	688.116.157.371	836.700.000.000	632.906.652.135	891.909.505.236

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom				
Hợp đồng vay số 07/2017/SDC-SACOM/HĐVV	30.000.000.000	Ngày 6 tháng 12 năm 2017	9,5%	Tin chấp
Hợp đồng vay số 09/2017/SDC-SACOM/HĐVV	30.000.000.000	Ngày 16 tháng 12 năm 2017	9,5%	Tin chấp
Hợp đồng vay số 08/2017/SDC-SACOM/HĐVV	10.000.000.000	Ngày 13 tháng 12 năm 2017	9,5%	Tin chấp
Hợp đồng vay số 11/2017/SDC-SACOM/HĐVV	10.000.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2017	9,5%	Tin chấp
Hợp đồng vay số 10/2017/SDC-SACOM/HĐVV	8.500.000.000	Ngày 28 tháng 12 năm 2017	9,5%	Tin chấp
Hợp đồng vay số 05/2017/SDC-SACOM/HĐVV	2.000.000.000	Ngày 20 tháng 10 năm 2017	6,0%	Tin chấp
Hợp đồng vay số 06/2017/SDC-SACOM/HĐVV	2.000.000.000	Ngày 4 tháng 11 năm 2017	6,5%	Tin chấp
	<u>92.500.000.000</u>			
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom				
Hợp đồng vay số 250/2015/SACOM	30.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	9,5%	Tin chấp
Hợp đồng vay số 04/2016/SACOM	30.000.000.000	Ngày 4 tháng 8 năm 2017	9,5%	Tin chấp
Hợp đồng vay số 03/2016/SACOM	15.209.505.236	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	9,5%	Tin chấp
	<u>75.209.505.236</u>			
	<u>167.709.505.236</u>			

TỔNG CỘNG

19.2 Vay ngắn hạn từ cá nhân

Chi tiết khoản vay từ cá nhân để bổ sung vốn hợp tác đầu tư với Nhựa Đồng Nai được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
Hợp đồng vay số 336/2016/HĐVV-SAM	<u>7.000.000.000</u>	Ngày 28 tháng 11 năm 2017	Không	Tin chấp

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

19. VAY (tiếp theo)

19.3 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn đầu tư Dự án Sacom Resort Tuyền Lâm – Đà Lạt được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
-------------	-----------------------------------	----------------	---------------------	-------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á

Hợp đồng số 020-042/17/VAB/HĐTDTDH	467.921.000.000	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2019 đến ngày 12 tháng 4 năm 2024	11,5%	40.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom và 7.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
------------------------------------	-----------------	---	-------	--

19.4 Vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
-------------	-----------------------------------	----------------	---------------------	-------------------

Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm

Hợp đồng số 05/2017/ SDC-SACOM/HĐVW	249.279.000.000	Ngày 14 tháng 4 năm 2024	11,5%	Tín chấp
-------------------------------------	-----------------	--------------------------	-------	----------



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.802.353.360.000	406.943.449.943	150.829.313.956	50.228.087.853	2.410.354.211.752
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	23.335.969.264	23.335.969.264
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.802.353.360.000	406.943.449.943	150.829.313.956	73.214.057.117	2.433.340.181.016
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.802.353.360.000	406.943.449.943	150.829.313.956	82.006.037.785	2.442.132.161.684
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.452.772.811	3.452.772.811
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(746.440.000)	(746.440.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.802.353.360.000	406.943.449.943	150.829.313.956	84.712.370.596	2.444.838.494.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	1.802.353.360.000	1.802.353.360.000
Cổ tức đã trả trong kỳ		
Cổ tức các kỳ trước trả cho chủ sở hữu	8.184.155	-

20.3 Cổ phiếu phổ thông

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	180.235.336	180.235.336
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	180.235.336	180.235.336
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	180.235.336	180.235.336

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Doanh thu bán hàng	11.597.644.800	-
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.530.495.889	1.065.133.679
TỔNG CỘNG	14.128.140.689	1.065.133.679
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	13.654.952.546	1.065.133.679
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	473.188.143	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	51.115.000.000	37.986.183.550
Cổ tức nhận được	22.496.502.561	88.118.000
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	8.857.132.437	-
Thu nhập từ lãi cho vay, lãi tiền gửi	3.252.951.325	419.013.147
TỔNG CỘNG	85.721.586.323	38.493.314.697

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá vốn hàng bán	10.233.216.000	-
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	504.687.489	128.710.772
TỔNG CỘNG	10.737.903.489	128.710.772

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí lãi vay	36.365.583.206	13.658.364.610
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) các khoản đầu tư	34.795.249.810	(7.703.537.600)
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	522.351.011	3.608.380.000
Khác	579.968.390	28.660.399
TỔNG CỘNG	72.263.152.417	9.591.867.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí bán hàng	-	188.848.441
- Chi phí môi giới	-	188.848.441
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.395.898.295	6.453.259.654
- Chi phí lương	7.824.706.945	3.827.514.205
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.358.492.065	773.823.480
- Chi phí khấu hao	414.663.506	583.391.356
- Chi phí khác	3.798.035.779	1.268.530.613
TỔNG CỘNG	13.395.898.295	6.642.108.095

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
TỔNG CỘNG	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.452.772.811	23.335.969.264
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	690.554.562	4.667.193.853
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức nhận được	(4.499.300.512)	(17.623.600)
Chi phí không được trừ	295.891.015	301.901.541
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(4.951.471.794)
Lỗ thuế trong kỳ chưa ghi nhận thuế hoãn lại	3.512.854.935	-
Chi phí thuế TNDN	-	-

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

25.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND
Các chênh lệch tạm thời	
Lỗ chuyển sang các năm sau	53.006.614.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (tiếp theo)

Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 53.006.614.899 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 35.442.340.223 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2017	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017
2013	2018	171.640.510	-	-
2014	2019	704.427.244	-	-
2016	2021	34.566.272.469	-	-
6 tháng năm 2017	2022	17.564.274.676	-	-
TỔNG CỘNG		53.006.614.899	-	53.006.614.899

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
				VND
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Vay Chi phí lãi vay Chi phí dịch vụ Doanh thu cho thuê Góp vốn	249.279.000.000 17.532.356.083 540.358.306 60.682.327 -	320.000.000.000 5.824.244.444 - - 36.900.000.000
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Vay Mua thành phẩm Chi phí lãi vay Doanh thu cho thuê	119.500.000.000 10.233.216.000 530.538.066 412.505.816	8.000.000.000 - 1.633.500.000 -
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Tạm ứng để mua dự án bất động sản Cổ tức Chi phí lãi vay Chi phí dịch vụ Vay	81.000.000.000 22.496.501.061 6.593.997.455 549.905.591 -	- - 3.796.875.000 62.701.466 110.000.000.000
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty liên kết	Góp vốn	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Lãi cho vay	312.180.556	-
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Công ty con	Lãi cho vay Chi phí thuế	237.896.667 22.569.000	308.730.000 20.490.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Bên liên quan	Tạm ứng	354.549.454	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Dịch vụ cho thuê	77.031.720	-
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Dịch vụ cho thuê	66.750.560	-
			143.782.280	-
Phải thu khách hàng dài hạn				
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Chuyển nhượng dự án Giai Việt	82.077.377.323	82.077.377.323
Tạm ứng cho nhà cung cấp ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Dịch vụ	-	244.758.251
Phải thu cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Cho vay	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Công ty con	Cho vay	5.100.000.000	5.300.000.000
			11.600.000.000	11.800.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Cổ tức Chi hộ	22.496.501.061	13.790.494.764 3.352.650
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Cổ tức Chi hộ	-	21.478.500.000 2.581.800
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Lãi cho vay	312.180.556	-
Công ty TNHH Sacom Chip Sáng	Công ty con	Lãi cho vay	118.603.333	162.192.324
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Bên liên quan	Tạm ứng	354.549.454	-
			23.281.834.404	35.437.121.538
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Bên liên quan	Góp vốn trong HĐQT	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Góp vốn trong HĐQT	50.000.000.000	50.000.000.000
			120.000.000.000	120.000.000.000
Phải trả ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Mua thành phẩm	10.241.337.600	-
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Dịch vụ	348.365.863	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Dịch vụ bảo trì	71.500.000	71.500.000
			10.661.203.463	71.500.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
VND				
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Tạm ứng để mua Khu dân cư Bình Thắng Tạm ứng để mua dự án Nhơn Trạch	63.000.000.000 18.000.000.000	20.500.000.000 -
			81.000.000.000	20.500.000.000
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Lãi vay	6.713.079.193	10.010.809.722
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Lãi vay	3.947.191.898	10.380.625.000
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Lãi vay	415.349.315	1.895.163.334
		Chi hộ	879.762	-
			11.076.500.168	22.286.598.056
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Vay	92.500.000.000	18.532.500.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Vay	75.209.505.236	170.000.000.000
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Vay	-	430.700.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú	Công ty liên kết	Vay	-	61.883.657.371
			167.709.505.236	681.116.157.371
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Vay	249.279.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và thưởng	<u>2.377.959.818</u>	<u>2.478.356.099</u>

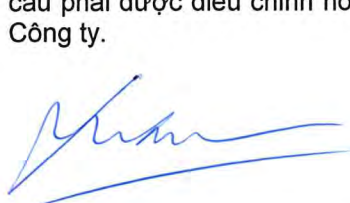
27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

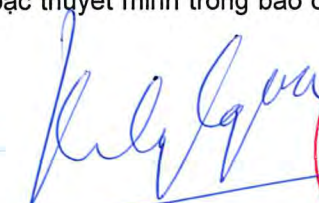
Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này. Chi tiết như sau:

		VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Phải thu ngắn hạn khác	108.203.636.005	(70.000.000.000)	38.203.636.005
Phải thu dài hạn khác	-	120.000.000.000	120.000.000.000
Đầu tư vào công ty khác	66.500.000.000	(50.000.000.000)	16.500.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	300.000.000	300.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	1.702.000.249	(300.000.000)	1.402.000.249
Phải trả ngắn hạn khác	31.184.380.133	(7.000.000.000)	24.184.380.133
Vay ngắn hạn	681.116.157.371	7.000.000.000	688.116.157.371

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


 Nguyễn Thanh Xuân
 Người lập


 Hà Hoàng Thế Quang
 Kế toán trưởng


 Trần Anh Vương
 Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017